

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 11 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
 4 Ngày lập báo cáo : 06/12/2010

Đơn vị tính : Việt Nam đồng

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm báo cáo (năm 2010)		Năm trước năm báo cáo	
		Số phát sinh kỳ báo cáo Tháng 11/2010	Lũy kế từ đầu năm 2010 đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
A XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN					
I Thu nhập từ hoạt động đầu tư đã thực hiện		25,804,308,213	110,880,102,280	50,323,510,695	229,044,635,702
1 Cổ tức được nhận		2,688,286,000	47,983,004,500	254,644,000	31,345,483,980
2 Lãi trái phiếu được nhận			6,340,065,000	1,838,336,000	19,241,555,424
3 Lãi tiền gửi		1,290,866,632	15,315,291,179	1,541,724,520	15,722,329,144
4 Thu nhập bán chứng khoán		21,825,155,581	41,238,402,165	46,688,806,175	162,734,582,593
5 Thu nhập khác			3,339,436		684,561
II Chi phí		3,805,122,000	49,366,286,700	5,277,214,524	40,139,018,148
1 Phí quản lý quỹ	3.12(i)	3,498,488,390	43,672,687,380	4,678,098,380	35,303,389,515
2 Thuởng hoạt động					-
3 Phí giám sát, quản lý tài sản quỹ	3.12(ii)	153,933,490	1,790,196,523	187,123,935	1,519,720,117
4 Chi phí hội họp, đại hội			913,772,077	26,840,396	903,918,358
5 Chi phí kiểm toán		27,590,251	236,879,551		40,004,041
6 Phí và chi phí khác		125,109,869	2,752,751,169	385,151,813	2,371,986,117
Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ		21,999,186,213	61,513,815,580	45,046,296,171	188,905,617,554
B XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN					-
I Thu nhập		40,820,012,435	111,334,689,729	32,130,582,341	1,168,514,546,229
1 Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán		31,333,780,180	152,124,687,289	32,130,582,341	1,168,514,546,229
2 Ghi nhận quyền phát hành thêm cp		9,486,232,255	(40,789,997,560)		-
II Chi phí		153,919,957,223	407,278,447,505	93,309,020,759	252,398,401,301
1 Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư		153,919,957,223	407,278,447,505	93,309,020,759	252,398,401,301
2 Phí thuởng hoạt động chưa thực hiện					-
III Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ		(113,099,944,788)	(295,943,757,776)	(61,178,438,418)	916,116,144,928
TỔNG LỢI NHUẬN RÒNG TRONG NĂM		(91,100,758,575)	(234,429,942,196)	(16,132,142,247)	1,105,021,762,482

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Người lập biểu



Trương Thị Thúy Nga

N.T.TUỆ MINH

LÊ THỊ THÀNH TÂM



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1 Tháng 11 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
4 Ngày lập báo cáo : 06/12/2010

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	KỶ BÁO CÁO Tháng 11/2010	KỶ BÁO CÁO Tháng 10/2010	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
1	Tiền	127,592,536,115	162,737,259,227	(35,144,723,112)
2	Các khoản đầu tư	1,855,988,859,115	1,954,419,984,309	(98,431,125,194)
2.1	Trái phiếu			
2.2	Cổ phiếu	1,840,687,856,675	1,948,605,214,124	(107,917,357,449)
2.2.1	CP niêm yết	1,465,684,179,600	1,515,954,957,000	(50,270,777,400)
2.2.2	CP chưa niêm yết	375,003,677,075	432,650,257,124	(57,646,580,049)
2.2	Quyền mua	15,301,002,440	5,814,770,185	9,486,232,255
3	Cổ tức được nhận	2,943,916,000	868,659,000	2,075,257,000
4	Lãi được nhận	643,849,409	1,419,187,060	(775,337,651)
4.1	Lãi trái phiếu			
4.2	Lãi TGNH	643,849,409	1,419,187,060	(775,337,651)
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	32,368,346,400	3,506,400	32,364,840,000
6	Các khoản phải thu khác			
7	Các tài sản khác	81,500,000,000	81,500,000,000	
	TỔNG TÀI SẢN	2,101,037,507,039	2,200,948,595,996	(99,911,088,957)
8	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	567,958,789	9,228,924,154	(8,660,965,365)
8.1	Phải trả GDCK niêm yết	325,850,000	9,049,438,000	(8,723,588,000)
8.2	Phí môi giới GDCK	242,108,789.00	179,486,154.00	62,622,635
9	Các khoản phải trả khác	5,028,936,325	5,178,301,342	(149,365,017)
9.1	Phí quản lý quỹ	3,498,488,390	3,650,612,170	(152,123,780)
9.2	Phí lưu ký, giám sát	153,933,490	175,319,560	(21,386,070)
9.3	Thù lao BDD	88,166,663	84,333,330	3,833,333
9.4	Phí kiểm toán			
9.5	Phải trả khác	1,288,347,782	1,268,036,282	20,311,500
10	Thuế & Cổ tức phải trả nhà đầu tư VF1			
	TỔNG NỢ	5,596,895,114	14,407,225,496	(8,810,330,382)
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC			
11	Tài sản ròng của Quỹ	2,095,440,611,925	2,186,541,370,500	(91,100,758,575)
12	Tỷ lệ tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	0.27%	0.66%	-0.39%
13	Tổng số đơn vị quỹ	100,000,000	100,000,000	100,000,000
14	Giá trị tài sản ròng NAV của một đơn vị quỹ	20,954	21,865	(911)



Trương Thị Thúy Nga

Người lập biểu

peah

N.T.TUỆ MINH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
Giám đốc tài chính

Utam

LÊ THỊ THÀNH TÂM



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục 15. Mẫu báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ
(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Tháng 11 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
- 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
- 4 Ngày lập báo cáo : 06/12/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 11/2010	KỲ TRƯỚC Tháng 10/2010
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	2,186,541,370,500	2,200,073,511,474
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(91,100,758,575)	(13,532,140,974)
	Trong đó		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	(91,100,758,575)	(13,532,140,974)
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ		
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	2,095,440,611,925	2,186,541,370,500
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	20,954	21,865

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Trưởng Thị Thủy Nga

Người lập biểu

N.T. TUỆ MINH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

LÊ T. THÀNH TÂM



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC